

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐÓP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2020

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Minh

Ông Nguyễn Hữu Nhuận

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thúy Hằng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: Bùi Quang Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trương Thị Y, sinh năm: 1994 - (có mặt)

Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1992 - (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn đề ngày 24 tháng 02 năm 2020, các biên bản tự ghi lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Y và anh Lê Văn T tự nguyện về chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 01/02/2013. Từ khi về chung sống với nhau, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, anh

T không chăm lo đến cuộc sống của vợ con, có mối quan hệ không rõ ràng bên ngoài. Chị Y thấy tình cảm giữa chị và anh T đã không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị Y làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung Lê Minh Đ, sinh ngày 10/5/2013 và Lê Minh P, sinh ngày 20/02/2019, chị Y yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là cháu P đến khi con đủ 18 tuổi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Yêu cầu được giao 01 con chung cháu Đ cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. chị Y không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Y không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh T thừa nhận lời trình bày của chị Y là đúng về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên anh T còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng. Ngoài ra, anh T không có ý kiến gì thêm. Đồng thời anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Chị Y yêu cầu ly hôn anh T, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Lê Minh P, giao con chung Lê Minh Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T có đơn xin vắng mặt khi Tòa án xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Y về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” đối với bị đơn anh Lê Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Y thuộc trường hợp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện B được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

-Về hôn nhân: Chị Trương Thị Y và anh Lê Văn T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 01/02/2013, là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị Y cương quyết yêu cầu được ly hôn anh T với lý do tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nữa do mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, mặc dù chị Y đã cho anh T nhiều cơ hội sửa đổi tính tình nhưng anh T vẫn không thay đổi. Chị Y xác định không còn tình cảm với anh T nữa. Tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh T là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

-Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Y, anh T có 02 (hai) con chung Lê Minh Đ, sinh ngày 10/5/2013 và Lê Minh P, sinh ngày 20/02/2019, hiện bà nội (mẹ anh T) là người trực tiếp chăm sóc các cháu và hàng tháng chị Y gửi tiền về cho bà nội chăm sóc con chung. Cần giao con chung Lê Minh P (hơn 01 tuổi) cho chị Y tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết. Để đảm bảo được cuộc sống ổn định và sự phát triển bình thường của trẻ. Chị Y đồng ý giao con chung Lê Minh Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Y không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát đối với vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trương Thị Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 2 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57; Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Y

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị Y được ly hôn anh Lê Văn T.

[2]. *Về con chung*: Giao con chung là Lê Minh Đ, sinh ngày 10/5/2013 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Giao con chung Lê Minh P, sinh ngày 20/02/2019 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Y, anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung sau khi ly hôn theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Trương Thị Y phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017202 ngày 27/02/2020.

[4]. *Về quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Chi cục THA DS huyện Bù Đốp;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Thành;
- Lưu HSVA.
-

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Quang Lâm